TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12- 10 - 2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Phương;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 605/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Xuân B, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 18, ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn E, sinh năm 1986; nơi cư trú cuối cùng: Tổ 12, ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Tây Ninh (theo quyết định tuyên bố mất tích số 04/2018/QĐDS-ST ngày 30/8/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Xuân B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh E tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã D, huyện A, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh E từ khi cưới nhau đã không hạnh phúc vợ chồng thường xuyên E sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cãi nhau. Nguyên nhân do anh E không có trách nhiệm lo lắng trong gia đình, vợ chồng luôn bất đồng quan

điểm khi giải quyết chuyện gia đình. Cuối năm 2014 sau khi vợ chồng cãi nhau thì anh E đã bỏ địa phương đi cho đến nay, đi đâu chị không rõ địa chỉ, chị đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh E và được Tòa án nhân dân huyện A ban hành quyết định số 04/2018/QĐDS-ST ngày 30/8/2018 tuyên bố anh Nguyễn Tấn E có nơi cư trú cuối cùng tại tổ 12, ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Tây Ninh mất tích từ tháng 12/2014 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn E.

- Về con chung: Chị và anh E chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Tấn Thuận, sinh ngày 16/8/2009 và cháu Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 03/11/2014. Hiện nay các con chung đang sống với chị, nếu ly hôn chị muốn được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do Bị đơn anh Nguyễn Tấn E đã được Tòa án nhân dân huyện A ban hành quyết định số 04/2018/QĐDS-ST ngày 30/8/2018 tuyên bố anh Nguyễn Tấn E có nơi cư trú cuối cùng tại tổ 12, ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Tây Ninh mất tích từ tháng 12/2014 cho đến nay nên không có ý kiến trình bày của anh E liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

- Về tố tụng: Do chị Phạm Thị Xuân B là nguyên đơn trong vụ án đã có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn giữa chị Phạm Thị Xuân B và anh Nguyễn Tấn E.

+ Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Tấn Thuận, sinh ngày 16/8/2009 và cháu Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 03/11/2014 cho chị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị B không có yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Ghi nhận chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Ghi nhận chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Phạm Thị Xuân B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Do chị Phạm Thị Xuân B là nguyên đơn trong vụ án đã có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Xuân B và anh Nguyễn Tấn E tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn vào năm 2010, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B thấy rằng: Qua thu thập chứng cứ, xác minh chính quyền địa phương xác định anh E đã rời khỏi địa phương từ năm 2014, đi đâu không rõ địa chỉ, không báo chính quyền địa phương và không có mặt tại địa phương từ tháng 12/2014 cho đến nay và đã được Tòa án nhân dân huyện A tuyên bố mất tích theo Quyết định số 04/2018/QĐDS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018. Do đó, xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị B và anh E không thể đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy việc chị B yêu cầu được ly hôn với anh E là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với Điều 68 Bộ luật Dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Đối với yêu cầu muốn được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Tấn Thuận, sinh ngày 16/8/2009 và cháu Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 03/11/2014 thì Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện các cháu Thuận và cháu Dương hiện đang sống với chị B, anh E không có mặt tại địa phương, không rõ nơi cư trú hiện nay, cháu Thuận có nguyện vọng muốn sống với chị B khi chị và anh E ly hôn, chị B cũng có đủ điều kiện chăm sóc các cháu nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị B muốn được nuôi hai con con chung là cháu Nguyễn Tấn Thuận, sinh ngày 16/8/2009 và cháu Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 03/11/2014 có cơ sở chấp nhận, phù hợp với nguyện vọng của cháu Thuận và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị B không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Xuân B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 68 Bộ luật Dân sự, Điều 228, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Xuân B đối với anh Nguyễn Tấn E. Chị Phạm Thị Xuân B được ly hôn với anh Nguyễn Tấn E.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Tấn Thuận, sinh ngày 16/8/2009 và cháu Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 03/11/2014 cho chị Phạm Thị Xuân B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị B không có yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Ghi nhận chị Phạm Thị Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Xuân B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Xuân B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0026022 ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tây Ninh. Chị B đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Phạm Thị Xuân B và anh Nguyễn Tấn E biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THA DS huyện A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Phú Sang